FireAnt

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	800
SL cổ phiếu LH	25,629,995
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,380
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
P/E	-4.6
EPS	-237

	YTD	1T	3T	6T
LMH	22.2%	10.0%	22.2%	37.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

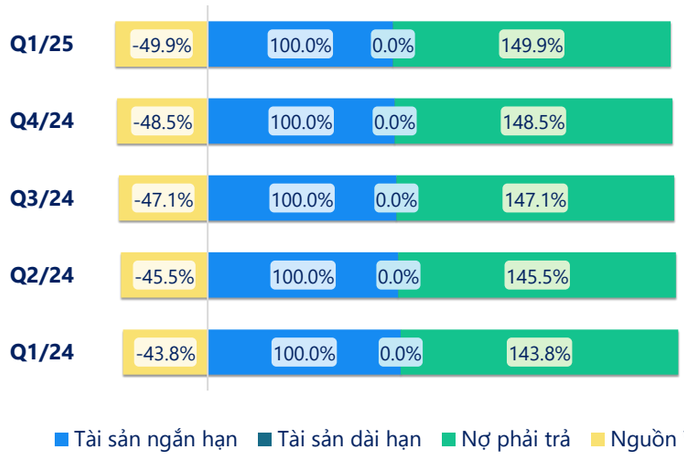

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

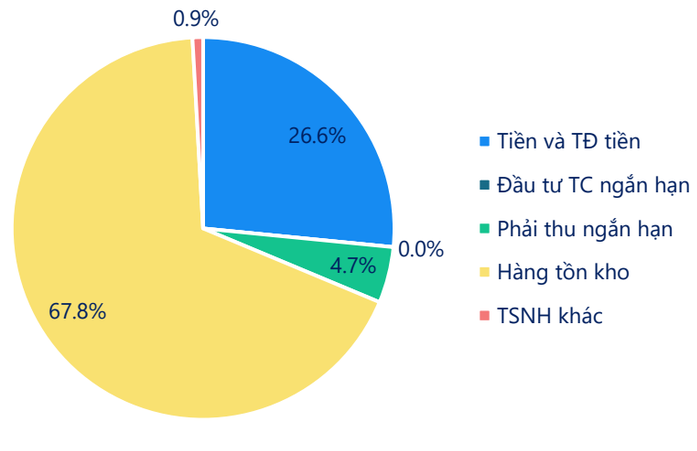

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

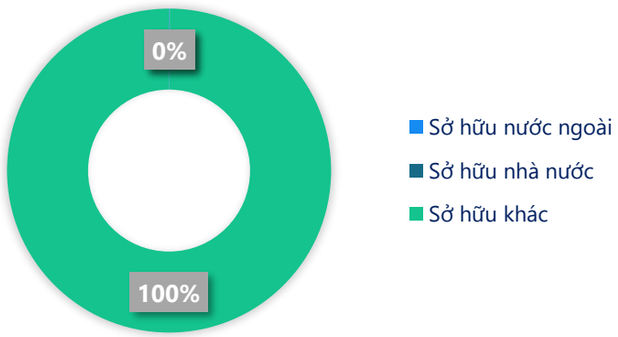

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

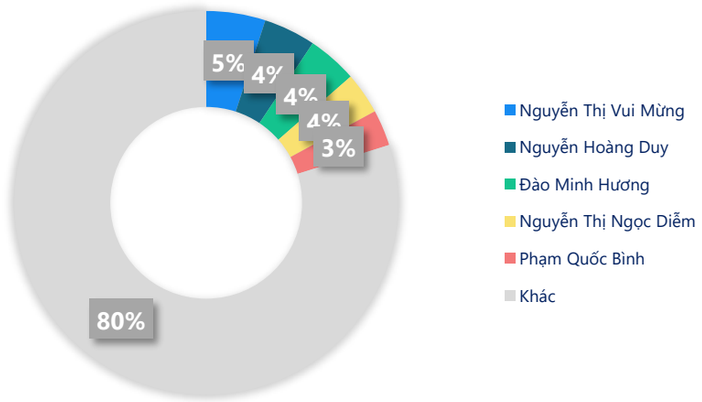

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

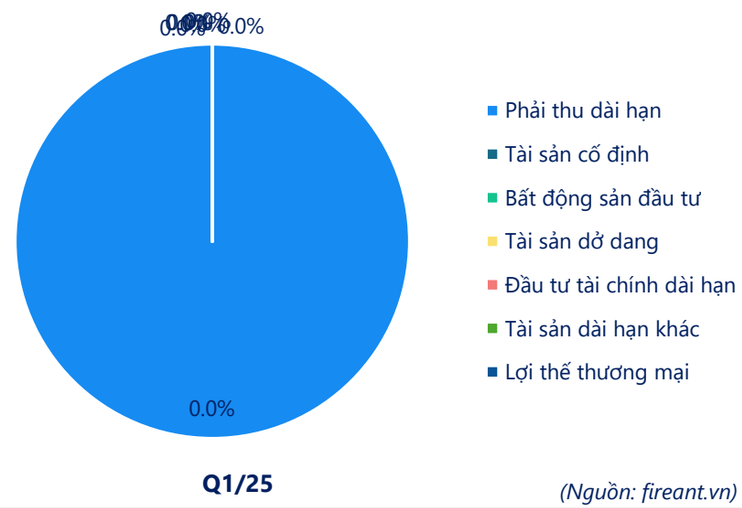

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

Tiền và tương đương tiền

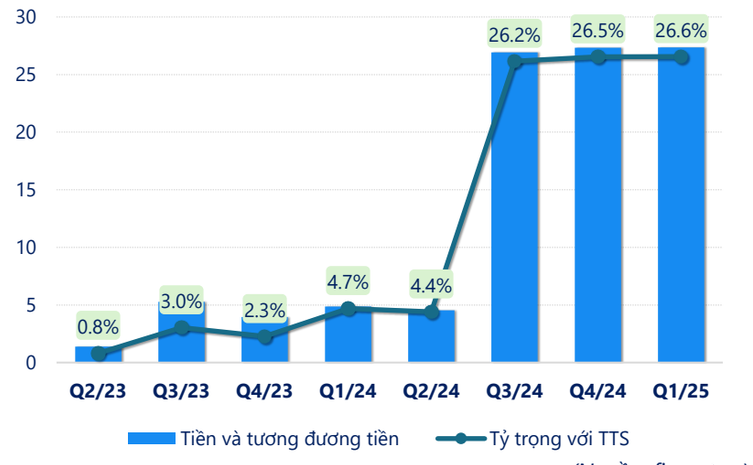

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

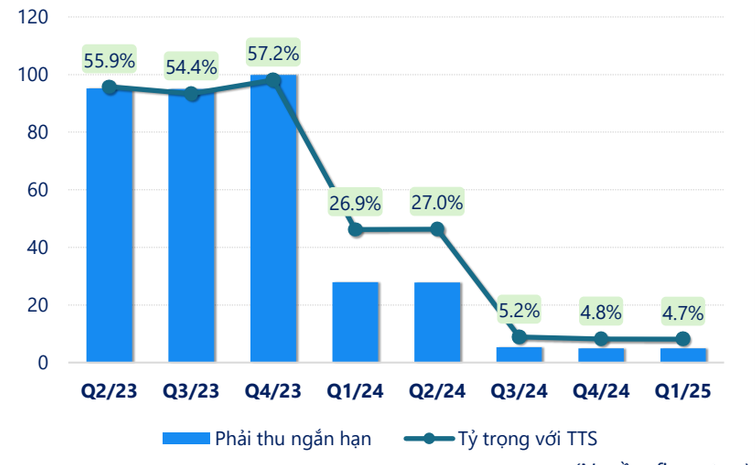

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

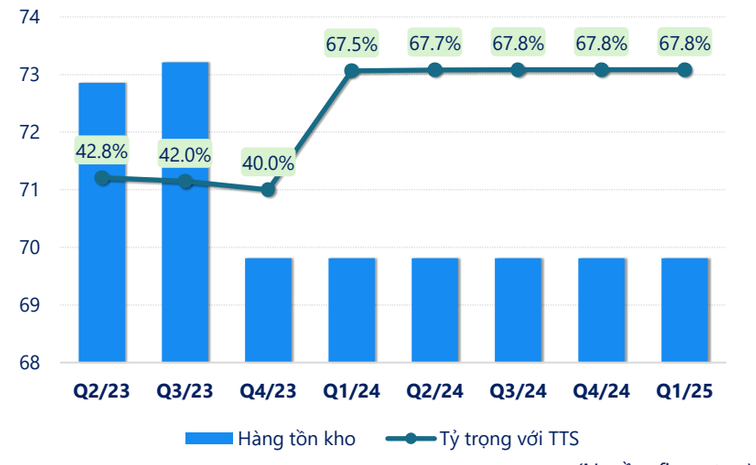

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

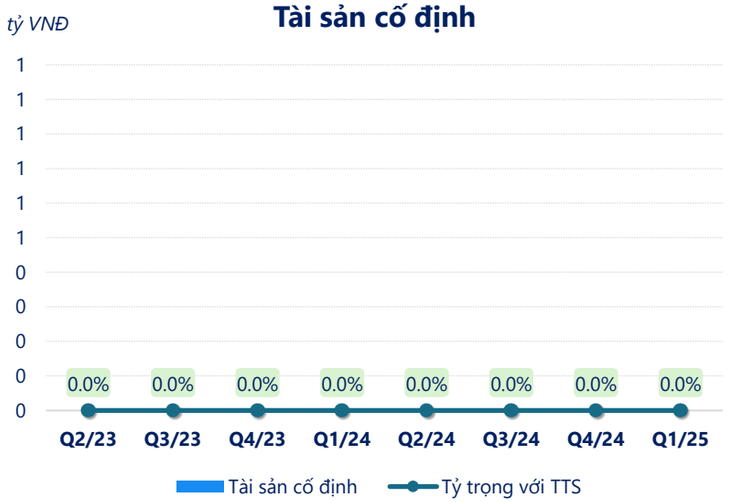

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

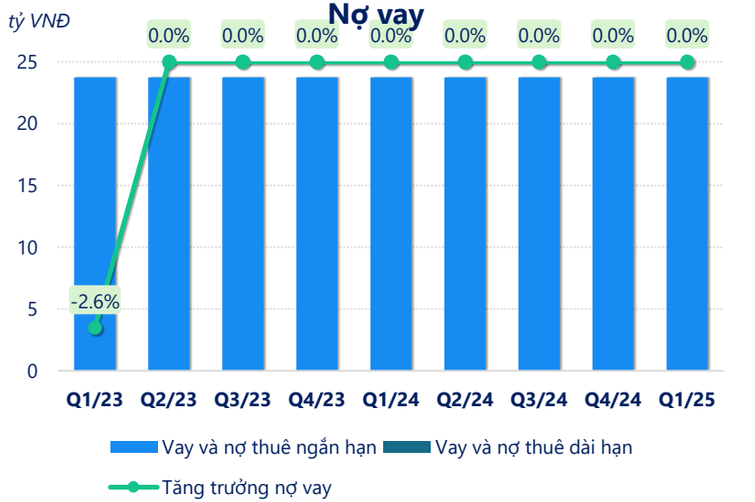

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

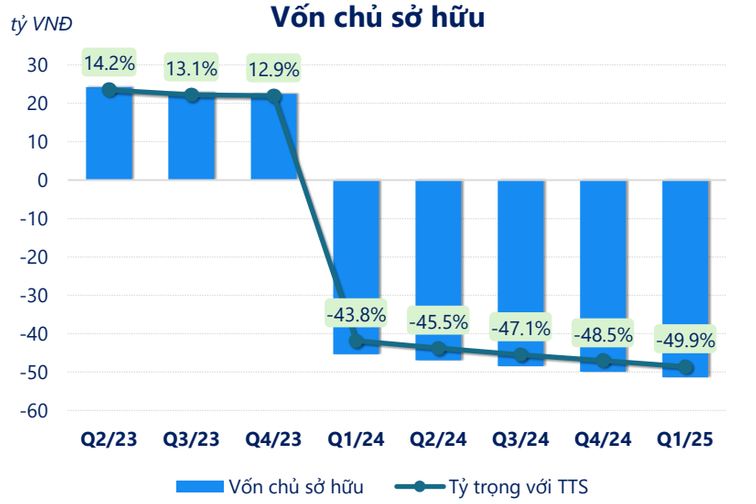

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

Kết quả kinh doanh

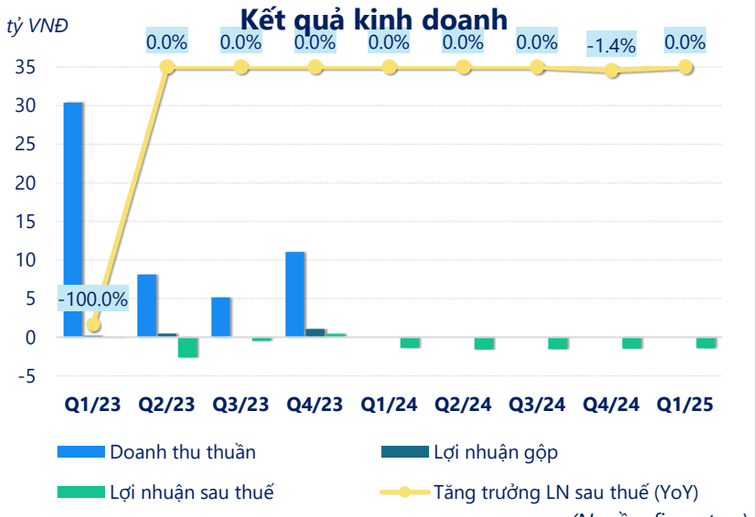

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

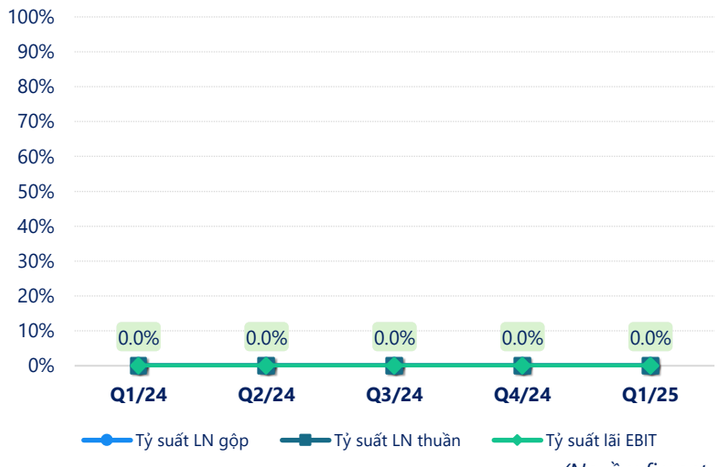

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

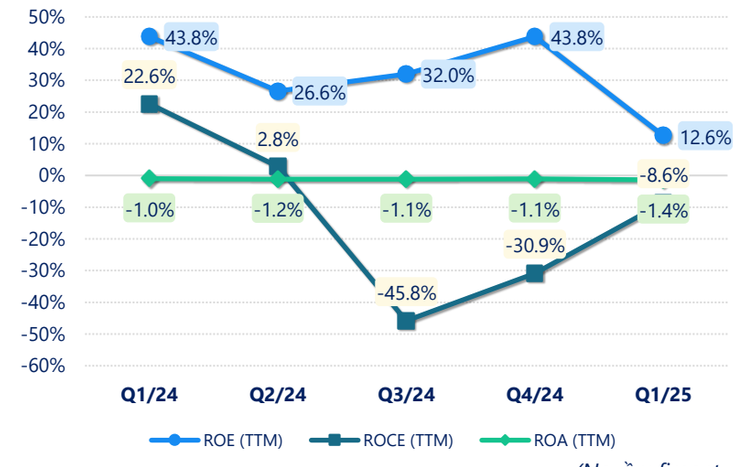

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

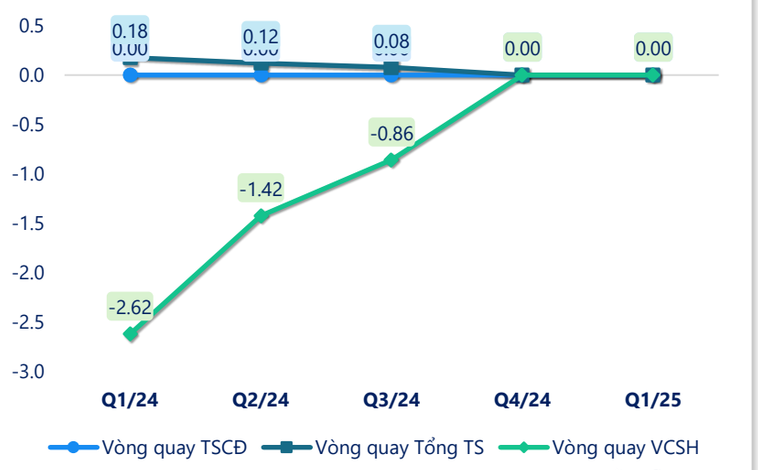

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

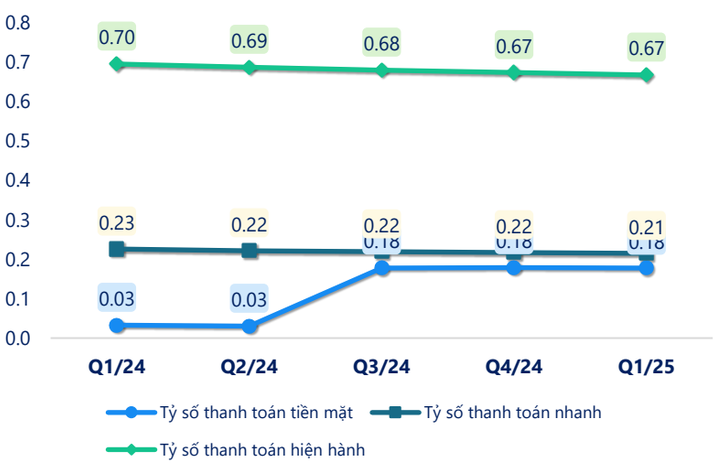

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

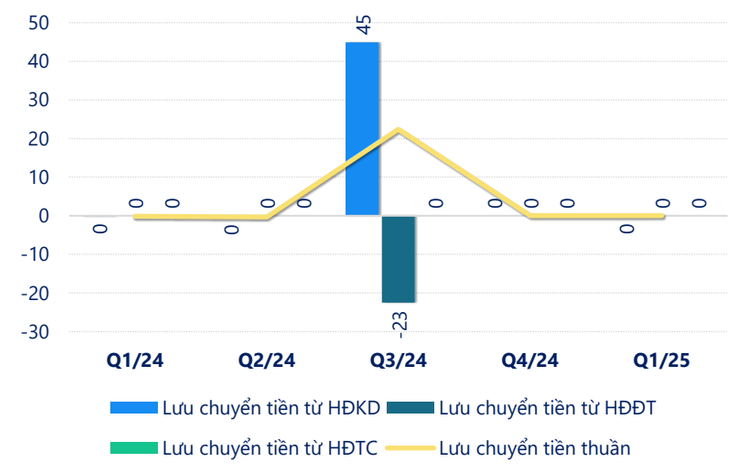

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Quốc tế Holding (UPCOM: LMH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**103**	**103**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	103	103	0.0%
Tiền và tương đương tiền	27.3	27.3	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.88	4.88	0.0%
Hàng tồn kho	69.8	69.8	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	0.91	0.2%
Tài sản dài hạn	**0.00**	**0.00**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	154	153	0.9%
Nợ ngắn hạn	**154**	**153**	**0.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.8	23.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.8	87.7	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-51.3**	**-49.9**	**-2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**-51.3**	**-49.9**	**-2.9%**
Vốn điều lệ	256	256	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.80	1.96	0.86	0.81	1.37
Chi phí lãi vay	0.80	0.80	7.81	0.81	0.79
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.00	0	0	0
Chi phí QLDN	0.01	0.22	0.08	0.07	0.07
LN thuần từ HĐKD	-0.80	-2.18	-0.94	-0.88	-1.44
Lợi nhuận khác	-0.58	0.58	-0.59	-0.59	0
LN trước thuế	-1.39	-1.60	-1.53	-1.46	-1.44
Lợi nhuận sau thuế	-1.39	-1.60	-1.55	-1.48	-1.44
LNST của CĐ cty mẹ	-1.39	-1.60	-1.55	-1.48	-1.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.09	-0.32	44.9	0	-0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-22.5	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.94	4.85	4.54	0	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.09**	**-0.32**	**22.4**	**0**	**0.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.85	4.54	26.9	0	27.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic